ỨNG ĐỐI CỦA NHÀ THANH TRONG THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX TRƯỚC SỰ XÂM LĂNG CỦA THỰC DÂN PHƯƠNG TÂY

ĐINH TIẾN HIẾU*

Tóm tắt: Vương triều Thanh (1644-1911) là vương triều cuối cùng trong lịch sử phong kiến Trung Quốc. Sau khi thành lập, vương triều phát triển rực rỡ dưới thời Khang Hy (1662 - 1722), Càn Long (1736-1795). Tuy nhiên, bắt đầu từ nửa sau thời Càn Long, nhất là thời Gia Khánh (1796-1820), Đạo Quang (1821-1850), xã hội Trung Quốc bắt đầu chuyển sang thời kỳ suy vong, các vấn đề xã hội ngày càng trở nên trầm trọng. Trong giai đoạn này, Trung Quốc đồng thời phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng và bất ổn xã hội, cũng như áp lực ngày càng mạnh đến từ các cường quốc phương Tây như: yêu cầu tự do buôn bán, khai mở các cảng biển, buôn bán thuốc phiện... Sau khi thực dân phương Tây thâm nhập vào xã hội Trung Quốc, nội bộ triều đình nhà Thanh lại không thống nhất, loay hoay tìm cách ứng đối, để rồi từng bước đánh mất chủ quyền dân tộc. Bài viết này phân tích và tìm hiểu cách ứng đối của nhà Thanh trước sự xâm nhập của thực dân phương Tây thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Tóm tắt: Trung Quốc, nhà Thanh, phương Tây, ứng đối

1. Quá trình thôn tính Trung Quốc của thực dân phương Tây

Sau các cuộc phát kiến địa lí, các quốc gia Đông Á trở thành một trong những đối tượng xâm thực quan trọng nhất của thực dân Bồ Đào Nha, tiếp đó là các cường quốc thực dân khác như: Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... Trong thời kỳ này, do nhu cầu ngày càng tăng về nguồn nguyên liệu, nhân công và việc mở rộng không ngừng thị trường tiêu thụ hàng hóa, cùng với đó là sự độc chiếm nguồn nhân công, nguyên liệu và thị trường. Trong vòng 70 năm, từ năm 1770-1841, lượng bông dùng trong ngành dệt ở nước Anh tăng gấp 100 lần. Ngành giao thông vận tải cũng có những thay đổi căn bản, tàu thủy và đầu máy hơi nước bắt đầu được sử dụng phổ biến. Sản lượng than, sắt tăng lên nhanh chóng, đưa nước Anh trở thành một quốc gia tư bản chủ nghĩa mạnh vào bậc nhất trên thế giới lúc bấy giờ.(1) Chính vì vậy, nhu cầu tìm hiểu và thôn tính thị trường phương Đông là một trong những yêu cầu bức thiết được đặt ra đối với các cường quốc thực dân phương Tây.

* **TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Trong các quốc gia Đông Á, Trung Quốc là nước sớm thu hút được sự chú ý của các cường quốc phương Tây. Bởi vì, đây là thị trường buôn bán lớn, đem lại nhiều lợi nhuận cho các thương nhân phương Tây. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của dòng họ, nhà Thanh đã thi hành những chính sách nhằm hạn chế những ảnh hưởng đến từ các thương nhân nước ngoài. Năm Càn Long thứ 24 (năm 1759), nhà Thanh đưa ra những quy định rất cụ thể: *Thứ nhất*, nghiêm cấm các thương nhân ngoại quốc không được ở lại Quảng Châu qua mùa đông; *thứ hai*, những thương nhân ngoại quốc đến Quảng Châu phải cư trú tại những nơi quy định dành riêng cho người phương Tây, do những người buôn bán chịu trách nhiệm kiểm soát, quản thúc; *thứ ba*, nghiêm cấm thương nhân Trung Quốc vay vốn của thương nhân nước ngoài và cho các thương nhân nước ngoài thuê mướn; *thứ tư*, loại bỏ những thương nhân nước ngoài trong việc tuyên truyền những thông tin lừa đảo, dối trá; *thứ năm*, những thuyền buôn của thương nhân nước ngoài cập bến sông Hoàng Phố đều phải có sự kiểm tra của các doanh trại[(2)].

Nhằm chống lại chính sách đóng cửa, hạn chế trao đổi với các thương nhân nước ngoài của Trung Quốc, thực dân Anh tìm mọi cách mở toang cánh cửa bằng việc buôn bán thuốc phiện, món hàng mang lại khoản lợi nhuận khổng lồ, đồng thời làm cho kinh tế của Trung Quốc suy kiệt, người dân mê muội. Năm 1834, Đại sứ Anh là William Napier (1786-1834) đã đến Trung Quốc nhằm gây áp lực lên triều đình nhà Thanh, yêu cầu phải cho phép tự do thương mại hơn nữa, tuy nhiên những yêu cầu đó bị khước từ. Những mâu thuẫn này chưa kịp giải quyết thì các bất đồng khác lại tiếp tục xảy ra, nhất là hoạt động buôn lậu thuốc phiện của thương nhân Anh, điều đó đẩy bất đồng trong quan hệ giữa hai nước ngày càng trở nên căng thẳng.

Trước tình trạng nạn buôn bán thuốc phiện ngày càng trở nên tràn lan và không thể kiểm soát được ở Trung Quốc, năm 1839, Khâm sai Đại thần Lâm Tắc Từ được cử tới Quảng Châu để ngăn chặn và tiến tới cấm thuốc phiện một cách triệt để. Tại đây, trước thái độ kiên quyết của Lâm Tắc Từ và sức mạnh của quần chúng nhân dân, thương nhân Anh buộc phải giao nộp toàn bộ số thuốc phiện hơn 20.000 hòm. Số thuốc phiện này sau đó được đem đi tiêu hủy ròng rã trong 20 ngày đêm trước sự giám sát của Lâm Tắc Từ, Tổng đốc Đặng Đình Chinh và trong tiếng hò reo phấn khởi của nhân dân.[(3)] Tuy nhiên, thực dân Anh không cam chịu mất đi nguồn lợi kếch xù từ việc buôn bán thuốc phiện đưa lại. Họ cấu kết với các quan lại địa phương, tìm mọi cách đánh bại phái chủ trương cấm thuốc phiện do Lâm Tắc Từ đứng đầu.

Bắt đầu từ năm 1840, quân đội các nước như Nhật Bản, Anh, Mỹ, Pháp, Nga, Đức, Italia, Áo đã nhiều lần tiến hành xâm lược các vùng ven biển của Trung Quốc,

ép triều đình nhà Thanh ký nhiều hiệp ước bất bình đẳng. Tháng 4/1840, Quốc hội Anh thông qua ngân sách, tổ chức một đội quân sang xâm lược Trung Quốc do Charles Elliot cầm đầu. Tháng 6/1840, đội quân viễn chinh phương Đông của Anh gồm 15.000 người và hơn 40 tàu chiến đã đến Quảng Châu.(4) Tháng 8/1842, tàu chiến của quân Anh tiến vào Nam Kinh, triều đình Mãn Thanh nhu nhược vội vàng phái đại thần đi điều đình. Ngày 29/8/1842, Hiệp ước Nam Kinh được ký kết. Trong đó, chính quyền nhà Thanh thừa nhận tất cả các điều khoản, yêu cầu của thực dân Anh: *Thứ nhất,* Trung Quốc phải mở 5 cửa biển cho tự do thông thương là Quảng Châu, Phúc Châu, Ninh Ba, Hạ Môn, Thượng Hải; *thứ hai,* Trung Quốc cắt Hương Cảng cho Anh; *thứ ba,* bồi thường cho Anh 21.000.000 bảng; *thứ tư,* thuế nhập khẩu, xuất khẩu của Anh do hai bên bàn bạc; *thứ năm,* Anh được hưởng quyền lãnh sự tài phán ở Trung Quốc.(5) Hiệp ước Nam Kinh là hiệp ước đầu hàng đầu tiên của Trung Quốc ký với một cường quốc phương Tây, mở màn cho một chuỗi các sự kiện dẫn đến sự sụp đổ của nhà Thanh cũng như quá trình xâu xé Trung Quốc của các cường quốc thực dân phương Tây. Sau thất bại này, Trung Quốc đã buộc phải ký với các nước thực dân phương Tây một loạt Hiệp ước bất bình đẳng như: Hiệp ước Hổ Môn, Hiệp ước Hoàng Phố, Hiệp ước Thiên Tân...

Thông qua những Hiệp ước bất bình đẳng này, các nước thực dân phương Tây được hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi ở Trung Quốc như: Khai thông cảng biển, độc quyền ngành ngân hàng, giành quyền giao thông, vận chuyển hàng hóa, giành quyền đầu tư vào ngành đường sắt, giành quyền đầu tư vào khai thác mỏ và tự do mở các loại công xưởng..., điều đó khiến Trung Quốc mất đi năng lực, chủ quyền trong nội chính và ngoại giao. Trong khi đó, nhà Thanh vì lợi ích của dòng tộc đã nhượng bộ và cam tâm làm công cụ bóc lột và áp bức nhân dân cho thực dân phương Tây. Điều này đã đưa Trung Quốc từng bước trở thành một nước nửa phong kiến nửa thuộc địa.

2. Những mâu thuẫn nội tại của xã hội Trung Quốc

Sau khi bị thực dân phương Tây tiến hành thôn tính, xâm lược, Trung Quốc từ một quốc gia độc lập trở thành thuộc địa, người dân từ thân phận của những người làm chủ đất nước trở thành người lệ thuộc, sống cuộc sống lầm than khổ cực. Đối với thực dân phương Tây, kể từ khi thôn tính được Trung Quốc họ đã thi hành chính sách thống trị và bóc lột hết sức nặng nề đối với quốc gia này. Trong khi đó, những mâu thuẫn nội tại trong lòng xã hội Trung Quốc cũng hết sức phức tạp, chính quyền thì bạc nhược, quan lại thì tham ô, dân chúng nổi dậy, những mâu thuẫn đó chưa thể giải quyết được. Điều đó được thể hiện trên một số lĩnh vực:

Thứ nhất, trên lĩnh vực kinh tế: Trước khi các nước phương Tây tiến hành thôn tính Trung Quốc, kinh tế nước này vốn đã lâm vào tình cảnh hết sức bi thảm. Ruộng đất phần nhiều tập trung trong tay bọn quan lại, địa chủ người Mãn, người Hán. Dưới thời Càn Long (1736-1795), chỉ riêng Hòa Thân đã chiếm hơn 8.000 khoảnh (1 khoảnh bằng 100 mẫu, 1 mẫu bằng 666,67m^2); thời Đạo Quang (1821-1850), Kỳ Thiện - một viên Tổng đốc Trực Lệ cũng đã chiếm đoạt tới hơn 2.500 khoảnh.(6) Nhiều tỉnh thành, quan lại, địa chủ chiếm 50 đến 60% tổng diện tích đất trồng cấy, trong khi đó giai cấp nông dân là lực lượng sản xuất chính của xã hội thì lại có rất ít hoặc không có ruộng đất, hơn thế nữa nông dân còn phải chịu nhiều khoản tô thuế hết sức nặng nề. Dương Tích Phất, một viên quan thời Càn Long, đã miêu tả tình trạng chiếm hữu ruộng đất thời đó như sau: trong giai đoạn đầu khi mới thiết lập triều đại, đất dư thừa so với người, giá đất rẻ; hòa bình sau đó, đất đủ để nuôi người, giá đất bình thường... ngày trước mỗi mẫu là từ 1 đến 2 người thì ngày nay mỗi mẫu là 7 đến 8 người. Nghèo mà bán, đã bán thì không có tiền mua lại; giàu mà mua, đã mua không bán lại nữa. Giờ đây đất nằm trong tay người giàu chiếm khoảng 5 đến 6/10. Thời trước người dân có đất, ngày nay chủ yếu là tá điền.(7)

Cùng với việc cướp đoạt ruộng đất là áp lực gia tăng dân số. Theo số liệu thống kê năm 1764 (Càn Long năm thứ 29), dân số Trung Quốc khoảng 256 triệu người, đến năm 1812 (Gia Khánh năm thứ 17), dân số Trung Quốc hơn 330 triệu người, đến năm 1835 (Đạo Quang năm thứ 15), dân số Trung Quốc tăng lên hơn 400 triệu.(8) Dân số gia tăng nhanh chóng, trong khi sản lượng lương thực và diện tích đất canh tác tăng rất chậm, dẫn đến tình trạng thiếu đất đai, đói kém và bần cùng hóa trong bộ phận nông dân(9). Trong khi đó, đối với thương nghiệp thì chính quyền phong kiến Trung Quốc lại thi hành chính sách "*trọng nông ức thương*", cấm người dân buôn bán với phương Tây. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng xa xỉ của tầng lớp quan lại thì những trung tâm buôn bán lớn vẫn được hình thành, các thuyền buôn phương Tây vẫn đến buôn bán ở Trung Quốc. Cùng với đó, tầng lớp vua chúa, quan lại ăn chơi vô độ, chỉ lo hưởng thụ, tiêu xài ngân khố quốc gia, không quan tâm đến sự khốn cùng của những người dân. Căn cứ vào số liệu thống kê, chỉ mỗi việc Càn Long tổ chức lễ mừng thọ cho mẹ của mình 60 tuổi, 70 tuổi, 80 tuổi đã tiêu hết khoảng 100 vạn lạng bạc trắng. Việc tổ chức lễ sinh nhật của Càn Long càng làm cho người dân kinh ngạc, nhất là sinh nhật lần thứ 80 đã tiêu tốn hết hơn 114 vạn lạng bạc trắng.(10) Càn Long còn hai lần tổ chức quốc yến chiêu đãi các vị quan có tuổi trong triều đình, mỗi lần tiêu tốn ngân sách trên 100 vạn lạng bạc. Ông còn xây dựng nhiều công trình bằng gỗ,

thi công các công trình lâm viên, sửa chữa cung điện Tây Uyển tổng cộng tiêu tốn hết hơn 7.600 vạn lạng bạc.(11)

Thứ hai, về mặt chính trị: Trong giai đoạn này, Trung Quốc từ xã hội phong kiến mang nặng tính chất quan liêu, độc đoán, với mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế tuyệt đối, mọi quyền hành đều được nằm trong tay nhà Vua. Vua được coi là *Thiên tử* (con trời), thay trời hành đạo, cai quản toàn bộ thần dân, có quyền phung phí tài sản quốc gia trên xương máu của nhân dân. Đến thời kỳ này, cùng với sự thâm nhập của thực dân phương Tây, Trung Quốc đã từng bước chuyển dần sang chế độ nửa phong kiến nửa thuộc địa. Chế độ chính trị mới xuất hiện đã làm xuất hiện những mâu thuẫn mới trong lòng xã hội Trung Quốc. Đến đây, xã hội Trung Quốc tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản: (1) Mâu thuẫn tồn tại lâu đời là giữa tầng lớp địa chủ quan lại với đông đảo quần chúng nhân dân; (2) Xuất hiện thêm mâu thuẫn mới là mâu thuẫn giữa nhân dân với các thế lực đế quốc. Những mâu thuẫn này đã đặt ra cho Trung Quốc, *một là,* tiến hành lật đổ chính quyền phong kiến đương thời và thay thế vào đó một một triều đại khác, đưa xã hội tiến lên theo xu hướng mới - tư bản chủ nghĩa, có khả năng canh tân đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc; *hai là,* để đất nước mình rơi vào tay của các cường quốc thực dân phương Tây và trở thành thuộc địa của các nước này.

Thứ ba, trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng: Cùng với sự thâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây, các nước Đông Á cũng như Trung Quốc phải đối mặt với những thay đổi trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng. Trước đây, tư tưởng Nho giáo có ảnh hưởng sâu sắc đối với đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội… ở Trung Quốc, Nho giáo từng là bệ đỡ tư tưởng cho mô hình quan liêu tập quyền của Trung Quốc, đồng thời là nền tảng cho mọi hoạt động về chính trị và xã hội. Đến giai đoạn này, cùng với sự xâm thực của chủ nghĩa thực dân phương Tây thì đạo Kitô cũng từng bước thâm nhập và có những ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Trung Quốc, từng bước phá vỡ truyền thống *Tam giáo đồng nguyên* của quốc gia này. Trong giai đoạn này, Trung Quốc đồng thời phải đối mặt với ba vấn đề lớn: *Thứ nhất,* để cho đạo Kitô tự do truyền bá và phát triển hay tiến hành ngăn chặn rồi từng bước tiến hành cấm đạo, không cho phép đạo Kitô bám rễ ở nước mình; *thứ hai,* tiến hành chiến đấu chống lại thực dân phương Tây hay là hòa hoãn để bảo vệ độc lập của quốc gia dân tộc; *ba là,* tiến hành canh tân, thúc đẩy phát triển kinh tế bảo vệ độc lập chủ quyền hay đóng cửa đất nước, không cho thực dân phương Tây thâm nhập, để bảo vệ quyền lợi dòng họ cũng như chủ quyền đất nước.

Thứ tư, trên lĩnh vực xã hội: Có thể nhận thấy, ở Trung Quốc trong thời kỳ này tồn tại những mâu thuẫn song trùng như: Mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp, cùng với đó là những chính sách bóc lột của giai cấp thống trị đã khiến cho những cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tục nổ ra. Trong giai đoạn này, phong trào Thái Bình

Thiên Quốc trở thành một cuộc khởi nghĩa của nông dân có quy mô lớn chưa từng có trong lịch sử phong kiến Trung Quốc. Dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, phong trào Thái Bình Thiên Quốc lan rộng ra nhiều tỉnh thành và lôi cuốn sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Với ý chí quật khởi, chỉ trong vòng hai năm từ 1851 đến 1853 phong trào Thái Bình Thiên Quốc đã không ngừng lớn mạnh và đánh bại nhiều cuộc tấn công của triều đình Mãn Thanh. Ngày 20/3/1853, nghĩa quân chiếm đánh Nam Kinh, chính thức thành lập Thiên triều Thái Bình Thiên Quốc và thông qua chính sách về ruộng đất. Theo đó, mỗi người dân không phân biệt nam nữ từ 16 tuổi trở lên đều được chia một suất đất, từ 15 tuổi trở xuống thì được chia nửa suất.(12)

3. Ứng đối của nhà Thanh với thực dân phương Tây

Lợi dụng tình hình ở Trung Quốc lúc này hết sức rối ren, triều đình phong kiến mục ruỗng, quan lại nhũng nhiễu, phong trào nông dân diễn ra ở nhiều nơi, các cường quốc thực dân phương Tây đã tích cực thâm nhập, can thiệp vào công việc nội bội của triều đình nhà Thanh, từng bước hiện thực hóa mưu đồ xâm lược Trung Quốc. Thông qua nhiều phương thức khác nhau như: du nhập văn hóa lai căng, cướp bóc nặng nề về kinh tế, đưa thuốc phiện vào đầu độc người dân, đẩy mạnh hoạt động truyền bá đạo Kitô. Đi cùng với với những biện pháp đó là sức mạnh vượt trội về khoa học công nghệ, tàu chiến và súng đạn đã làm rung chuyển, phá vỡ từng mảng chế độ phong kiến trì trệ tồn tại lâu dài ở Trung Quốc. Trong khi đó, nội bộ triều đình nhà Thanh lại không thống nhất mà có sự phân hóa mạnh mẽ, hình thành các xu hướng, phe phái khác nhau để ứng đối lại sự xâm lược và thôn tính của thực dân phương Tây.

Xu hướng thứ nhất, yêu cầu mở cửa canh tân đất nước, đây là xu hướng của những người thuộc phái cấp tiến mong muốn đưa đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Trong đó, người có tư tưởng cấp tiến sớm nhất trong thời kỳ này là Lâm Tắc Từ. Năm 1840, thông qua quá trình thực tiễn lãnh đạo Quảng Châu về việc cấm thuốc phiện và chống lại sự xâm lược của quân Anh, Lâm Tắc Từ đã đưa ra khẩu hiệu "*Học tập sở trường của người phương Tây để chống lại người phương Tây*". Nhằm nâng cao năng lực phòng thủ biển cũng như năng lực hải chiến của quân đội nhà Thanh, tháng 2/1840, Lâm Tắc Từ đã mua thương thuyền hiệu "Chesaprake" từ cửa hàng có tên Russell của Mỹ để dùng vào việc luyện tập thủy quân cũng như tấn công thuyền của Anh, sau đó lại tiến hành cải tiến thành tàu chiến, trang bị 34 cửa đại bác của Anh chế tạo, đây được coi là chiến hạm hiện đại hóa đầu tiên mà Trung Quốc nhập từ phương Tây từ sau khi Chiến tranh Thuốc phiện nổ ra.

Tiếp sau Lâm Tắc Từ, Bao Thế Thần cũng bày tỏ tư tưởng tương tự, ông cho rằng sở trường của người Anh *một là* có tàu thuyền kiên cố, *hai là* được trang bị kỹ thuật súng đạn hiện đại. Trong khi đó, cả hai lĩnh vực này Trung Quốc đều chưa có, do đó cần phải thiết lập xưởng chế tạo và chiêu mộ những người có khả năng, đã từng học cách chế tạo tàu thuyền, súng đạn. Học tập những tiến bộ của khoa học kỹ thuật của người phương Tây, tăng cường năng lực chiến đấu cho cho quân đội Trung Quốc, nhằm chống lại các thế lực của người phương Tây. Ngoài Lâm Tắc Từ và Bao Thế Thần, một số quan lại triều Thanh có tư tưởng tiến bộ, quan tâm đến tình hình chiến sự đang diễn ra ở Trung Quốc, cũng như có những hiểu biết về tàu thuyền và những lợi thế của đại bác của quân đội Anh, đã tiến hành một số hoạt động *học tập những kỹ thuật sở trường của người phương Tây*. Ví như Trưởng quan Chiết Giang Y Lí Bố, người đã từng chủ trì chế tạo thử tàu đại bác kiểu phương Tây, tuy nhiên, ông đã không thành công. Hay như, Trưởng quan Hạ Môn cũng từng dựa vào mô hình tàu chiến và đại bác của phương Tây để thực nghiệm cải tạo tàu chiến và đại bác của Trung Quốc. Kỳ Anh trong lúc bố trí phòng ngự ở Lưỡng Giang (Giang Nam và Giang Tây), nghe nói Quảng Đông có người am hiểu phương pháp, chuyên môn đúc súng của phương Tây đã ngay lập tức thông báo cho quan Tổng đốc Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) là Kỳ Hạng đến xem xét thực tế, chọn lựa giúp Lưỡng Giang đúc đại bác kiểu mới, trên cơ sở đó có thể cùng với súng ống đại bác phương Tây so sánh cao thấp.(13)

Kế thừa và phát huy truyền thống của những người đi trước, cũng như để duy trì nền thống trị của triều Thanh, nửa cuối thế kỷ XIX ở Trung Quốc diễn ra một phong trào rất lớn - phong trào Dương Vụ. Phong trào Dương Vụ xuất phát từ nhận thức lúc bấy giờ, Trung Quốc đối mặt với sự thay đổi cục diện lớn chưa từng thấy trong hàng nghìn năm trở lại đây, phản đối việc khư khư giữ cái cũ, mọi sự việc "trói buộc bởi luật xưa", tất cả "làm theo lề lối cũ", mà chủ trương nhìn thẳng vào hiện thực, linh hoạt ứng biến luật cũ, tiến hành cải cách. Đại diện cho phong trào này là Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương, Tả Tông Đường, Chương Chi Động... Theo đó, muốn duy trì và bảo vệ được nền thống trị của triều Thanh, họ đề xuất "học tri thức của người phương Tây để chế tạo tàu thuyền và súng đạn" và coi đó là nhiệm quan trọng hàng đầu để đối phó lại với các thế lực của phương Tây.

Xu hướng thứ hai, tiếp tục đóng cửa bảo vệ sự tồn vong của quốc gia dân tộc, đây là xu hướng của những người thuộc phái bảo thủ, muốn đóng cửa để bảo vệ lợi ích của cá nhân, lợi ích giai cấp. Khi phong trào Dương Vụ lấy chủ trương *học tập những kỹ thuật sở trường của người phương Tây*, đồng thời chủ trương *"tự cường"* và *"làm*

giàu" làm nội dung chủ yếu cho sự ra đời và phát triển, ngay lập tức gặp phải sự phản đối của thế lực bảo thủ - phái bảo thủ trong nội bộ tập đoàn thống trị. Cho dù chủ trương *học tập những kỹ thuật sở trường của người phương Tây*, đồng thời *"tự cường"* và *"làm giàu"* của phái Dương Vụ, dự định học tập và tiến cử những người tài giỏi, học tập những tiến bộ về khoa học và quân sự tiên tiến của phương Tây, là nhằm mục đích giữ gìn và củng cố nền thống trị của vương triều nhà Thanh đang lung lay, không động chạm đến chế độ chính trị chuyên chế phong kiến và chế độ xã hội phong kiến, nhưng trong con mắt nhìn nhận của phái bảo thủ, những điều này trái ngược với đạo lý "*luật xưa của tổ tông*" và "*lời cổ huấn của thánh nhân*". Lúc bấy giờ, số lượng các quan lại đại thần và các sĩ đại phu bảo vệ quan điểm này không phải là ít, những nhân vật đại biểu cho phái này gồm có Uy Nhân (1804 -1871), Từ Đồng (1819-1900), Lí Hồng Tảo (1820 -1897)… Trong đó, Uy Nhân là nguyên lão ba triều, một trong những danh sư Lí học, Từ Đồng và Lí Hồng Tảo là thầy dạy của Hoàng đế Đồng Trị và Hoàng đế Quang Tự, họ đều có sức ảnh hưởng rất lớn về tư tưởng và chính trị. Cộng thêm với việc Trung Quốc nhiều lần tiến hành chiến tranh với nước ngoài bị thất bại đã khiến cho việc xuất hiện tư tưởng bài ngoại, căm thù ngoại quốc tăng cao, thế lực của phái bảo thủ trong giai đoạn này vẫn còn rất lớn. "Đặc điểm chung của phái này là bảo thủ không chịu thay đổi, khư khư giữ cái cũ, cự tuyệt và bài trừ tư tưởng mới, sự vật mới. Trong con mắt của họ, chế độ phong kiến của Trung Quốc đã vô cùng hoàn thiện, hoàn mỹ, không có nhu cầu thay đổi bất cứ một thứ gì. Họ cho rằng những người thuộc phái cấp tiến đã đi ngược lại với giáo huấn của các bậc thánh nhân tiên hiền trong thời cổ đại đó là *dùng Hạ biến Di*, "dứt khoát không *dùng Di biến Hạ*".(14) Đồng thời cho rằng phái cấp tiến chủ trương đề xướng "Tây học" là "theo đuổi kỹ năng thông minh nhỏ bé của người phương Tây, mà đánh mất lòng tự tôn dân tộc".(15)

Xu hướng thứ ba, đây là xu hướng của những người thuộc phái *cải lương*, một mặt họ vừa muốn mở cửa để tiếp nhận những luồng tư tưởng, khoa học kỹ thuật tiên tiến của phương Tây, mặt khác lại không muốn mở cửa để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của dòng họ mình. Đại diện tiêu biểu cho phái này là Từ Hy thái hậu, người được xem là cao nhất trong giai đoạn cuối của vương triều thống trị nhà Thanh. Trên phương diện thứ nhất là nhằm bảo vệ sự thống trị của vương triều nhà Thanh, Từ Hy đồng ý cho phái Dương Vụ thực hiện phong trào vận động Dương Vụ, tuy nhiên trên một phương diện khác lại khống chế sự tăng trưởng quá mức về quyền thế của phái Dương Vụ, đồng thời áp dụng thái độ dung túng đối với phái bảo thủ. Điều này khiến cho phái

bảo thủ càng thêm kiêu ngạo, do đó đã đạt được mục đích ngăn cản, thậm chí là phá hỏng phong trào Dương Vụ.

Trong giai đoạn này, người Trung Quốc đã có sự mâu thuẫn, sự đấu tranh giằng xé trong cách nhìn nhận, ứng đối với các quốc gia phương Tây. Theo đó, người phương Tây vừa là giặc, vừa là quân ăn cướp, nhưng đồng thời lại là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, văn hóa tiến bộ và một chế độ xã hội ưu việt. Người phương Tây cùng với việc dùng tàu thuyền và đại bác xâm lược, dùng hàng hóa giá rẻ để cướp đoạt, dùng giáo lý của đạo Kitô để chiếm lĩnh Trung Quốc, thì đồng thời cũng mang đến những thành tựu khoa học tiên tiến, một hình thức văn hóa hoàn toàn mới so với nền văn hóa cố hữu của Trung Quốc. Có thể thấy, những khuynh hướng đấu tranh, giằng xé lẫn nhau này đã làm giảm đi sức mạnh của dân tộc và chính điều đó đã trở thành cơ hội cho thực dân phương Tây tiến hành xâm lược và thôn tính Trung Quốc.

Kết luận

Qua những phân tích trên, chúng ta có thể nhận thấy, trong thế kỷ XIX khi các quốc gia phương Tây đã và đang áp dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào sản xuất và có bước phát triển rất nhanh, sâu rộng trên nhiều phương diện, đồng thời để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu và thị trường, họ đã tiến hành xâm lược và thôn tính các quốc gia phương Đông. Trong khi đó, thực trạng xã hội Trung Quốc với tư tưởng "*Hoa - Di*" và nền quân chủ đã mục nát, không còn đáp ứng được sự vận động của xã hội, thêm vào đó nội bộ triều đình phân hóa, chia rẽ thành các xu hướng, phe phái khác nhau đã trở thành cơ hội tốt để các cường quốc thực dân phương Tây tiến hành xâm lược và thôn tính, biến Trung Quốc từ một quốc gia hùng cường của Đông Á trở thành một "*Đông Á bệnh phu*" và là một mục tiêu mà bất cứ đế quốc phương Tây nào cũng tham vọng chiếm giữ. Những xu hướng, phe phái khác nhau đấu tranh trong nội bộ triều đình nhà Thanh nhằm ứng đối với các cường quốc phương Tây, cũng như hy vọng có thể làm hưng thịnh đất nước Trung Quốc, đã thất bại trong suốt thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, để rồi Trung Quốc từng bước mất đi chủ quyền dân tộc và phải khuất phục trước các thế lực phương Tây.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam về cách ứng đối với bên ngoài trong bối cảnh quốc tế và khu vực giai đoạn hiện nay: *thứ nhất*, giữ vững ổn định chính trị, một xã hội chỉ có thể phát triển khi đất nước ổn định, trên dưới một lòng, người dân đồng thuận dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; *thứ hai*, tích cực, chủ động hội nhập sâu, rộng trên nhiều lĩnh vực, nhưng đồng thời chúng ta cũng phải gìn giữ bản sắc, hồn cốt của dân tộc, tránh bị

hòa tan trong quá trình hội nhập; *thứ ba,* tích cực học hỏi, tiếp thu những tiến bộ, thành tựu về mặt khoa học kỹ thuật của các quốc gia phương Tây cũng như phương Đông; *thứ tư,* cần có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với tầng lớp trí thức, phải thực sự coi trọng, đặt đúng vị thế của tầng lớp trí thức trong chiến lược phát triển đất nước.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

(1) 乔明顺，1993，世界近代史，北京人民出版社，第 120 页。(Kiều Minh Thuận, 1993, *Lịch sử thế giới cận đại,* Nxb, Nhân dân Bắc Kinh, tr.120).

(2) 清高宗实录，卷 550。(Thanh Cao Tông thực lục, quyển 550).

(3) Đào Duy Đạt, 2021, *Quan điểm về biển và sự điều chỉnh trọng tâm chiến lược quốc phòng của triều đình nhà Thanh ở nửa cuối thế kỷ XIX,* Nxb Khoa học Xã hội, tr.107.

(4) Đào Duy Đạt, 2021, tlđd, tr.107-108.

(5) 李育民，2010，近代中国的条约制度，湖南人民出版社，第 53-54 页。(Lí Dục Dân, 2010, *Chế độ điều ước của Trung Quốc thời Cận đại*, Nxb Nhân dân Hồ Nam, tr.53-54).

(6) 李侃、李时岳、李德征、等著，2009，中国近代史 1840 - 1919，中华书局，第 27 页。(Lý Khản, Lý Thời Nhạc, Lý Đức Chinh, 2009, *Lịch sử cận đại Trung Quốc 1840 - 1919),* Trung Hoa thư cục, tr.27).

(7) 贺长龄辑，清朝经世文编(3)，中国台湾，文海出版社，第 1399-1400。(Hạ Trường Linh biên tập: "*Thanh triều kinh thế văn tập*" (3), (Trung Quốc, Đài Loan), Nxb Văn Hải, tr.1399-1400).

(8) 李侃、李时岳、李德征、等著，2009, tlđd, tr.2.

(9) Keith R. Schoppa, 2000, *The Columbia Guide to Modern Chinese History*, Columbia University Press, p 11-12.

(10) 郑大华，2005，晚晴思想史，湖南师范大学出版社，第 19 页。(Trịnh Đại Hoa, 2005, *Lịch sử tư tưởng Trung Quốc cuối thời nhà Thanh,* Nxb Đại học Sư phạm Hồ Nam, tr.19).

(11) 郑大华，2005, tlđd, tr.20.

(12) Phùng Thị Huệ, *Phong trào cải cách ở Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.* In trong Vũ Dương Ninh, 2007, *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.246.

(13) 马廉颇，2003，《晚清帝国视野下的英国》，人民出版社，第 269-270 页。(Mã Liêm Pha, 2003, *Đế quốc Thanh giai đoạn cuối dưới con mắt của nước Anh,* lấy hai triều đại Gia Khánh và Đạo Quang làm trung tâm, Nxb Nhân dân, tr.269-270).

(14) 中国近代史资料丛刊，1961，《洋务运动》(一)，上海人民出版社，第 121 页。(Bộ sách tư liệu lịch sử cận đại Trung Quốc, 1961, *Vận động Dương Vụ* (1), Nxb Nhân dân Thượng Hải, tr.121).

(15) 中国近代史资料丛刊，1961, tlđd, tr.134.